

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH BẢO HIỂM – TÀI CHÍNH

1. Khối lượng kiến thức:

Kiến thức toàn khóa học: 136 tín chỉ tích lũy + Giáo dục thể chất (3 tín chỉ) không tích lũy + Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết) không tích lũy. Trong đó:

Khối kiến thức và lập luận về ngành		Số tín chỉ	Tỷ lệ %
1.1	Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành	16	11,76
1.2	Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi	12	8,82
1.3	Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ	76	55,88
1.4	Kiến thức nền tảng rộng	22	16,18
1.4.1	Khoa học tự nhiên	5	3,68
1.4.2	Khoa học chính trị	11	8,09
1.4.3	Pháp luật	2	1,47
1.4.4	Tin học	4	2,94
1.5	Kiến thức khác ngành	2	1,47
1.6	Kiến thức đại cương khác	8	5,88
1.6.1	Ngoại ngữ (tiếng Anh)	8	5,88
1.6.2	Giáo dục thể chất (3 tín chỉ) không tích lũy		
1.6.3	Giáo dục quốc phòng, an ninh (165 tiết) không tích lũy		
Tổng cộng:		136	100%

2. Khung chương trình

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP	Mã HP
				(Lý thuyết - LT; Thực hành - TH; Thí nghiệm - TN; Khóa luận - KL; Thực tập - TT)					Trước	song hành
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	KL	TT		
1.1 Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành				16						
1.1.1	Các học phần bắt buộc			12						
1.1.1.1	ViMO0523H	Kinh tế vi mô	Microeconomics	3	3					
1.1.1.2	VĩMO0523H	Kinh tế vĩ mô	Macroeconomics	3	3					
1.1.1.3	NLTK1322H	Nguyên lý thống kê	Statistics theory	2	2				TCC21122L	
1.1.1.4	LKTE1022H	Luật kinh tế	Economic law	2	2					
1.1.1.5	MARC0522H	Marketing căn bản	Marketing principles	2	2					
1.1.2	Các học phần tự chọn (chọn 2/4)			4						
1.1.2.1	KTLU1122H	Kinh tế lượng	Econometrics	4	2					
1.1.2.2	VHDN0522H	Văn hóa doanh nghiệp	Corporate culture		2					
1.1.2.3	NLTL0222H	Nguyên lý tiền lương	Salary principles		2					
1.1.2.4	KTPT0522H	Kinh tế phát triển	Development economics		2					
1.2 Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi				12						
1.2.1	Các học phần bắt buộc			12						
1.2.1.1	NLBH0422H	Nguyên lý bảo hiểm	The principle of insurance	2	2					
1.2.1.2	NLK10122H	Nguyên lý kế toán 1	Accounting principles 1	2	2					
1.2.1.3	ĐTXH0322H	Điều tra xã hội học	Sociological survey	2	2					
1.2.1.4	KTĐT0422H	Kinh tế đầu tư	Investment economics	2	2					
1.2.1.5	QTRR0422H	Quản trị rủi ro	Risk management	2	2					
1.2.1.6	TCB10422H	Tài chính bảo hiểm 1	Insurance finance 1	2	2					
1.3 Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ				76						
1.3.1	Các học phần bắt buộc			62						
1.3.1.1	TCDN0123H	Quản trị tài chính doanh nghiệp	CorporateFinance Management	3	3					

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP Trước	Mã HP song hành
				(Lý thuyết - LT; Thực hành - TH; Thí nghiệm - TN; Khóa luận - KL; Thực tập - TT)						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	KL	TT		
1.3.1.2	TCB20422H	Tài chính bảo hiểm 2	Insurance finance 2	2	2					
1.3.1.3	PNT10422H	Bảo hiểm phi nhân thọ 1	Non - life insurance 1	2	2					
1.3.1.4	BHNT0422H	Bảo hiểm nhân thọ	Life insurance	2	2					
1.3.1.5	KDB10422H	Quản trị kinh doanh bảo hiểm 1	Insurance business management 1	2	2					
1.3.1.6	KDB20422H	Quản trị kinh doanh bảo hiểm 2	Insurance business management 2	2	2					
1.3.1.7	NVBH0422H	Nghiệp vụ bảo hiểm xã hội	Short - term social insurance	2	2					
1.3.1.8	BHHT0423H	Bảo hiểm hưu trí	Pension insurance	3	3					
1.3.1.9	RRTC0123L	Quản trị rủi ro tài chính	Financial risk management	3	3					
1.3.1.10	TTTC0123L	Thị trường tài chính	Financial markets	3	3					
1.3.1.11	TĐDA0422H	Thẩm định dự án đầu tư	Investment projects Appraise	2	2					
1.3.1.12	PTBH0423H	Phân tích tài chính bảo hiểm	Financial Insurance Analysis	3	3					
1.3.1.13	GĐBT0422L	Giám định bồi thường bảo hiểm	Insurance claims handling	2	2					
1.3.1.14	PNT20422H	Bảo hiểm phi nhân thọ 2	Non - life insurance 2	2	2					
1.3.1.15	TCDN0422L	Tổ chức quản lý các doanh nghiệp bảo hiểm	Insurance enterprises management	2	2					
1.3.1.16	TBHI0422L	Tái bảo hiểm	Reinsurance	2	2					
1.3.1.17	KTC10123H	Kế toán tài chính 1	Financial Accounting 1	3	3					

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP Trước	Mã HP song hành
				(Lý thuyết - LT; Thực hành - TH; Thí nghiệm - TN; Khóa luận - KL; Thực tập - TT)						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	KL	TT		
1.3.1.18	TCQT0123L	Tài chính quốc tế	International finance	3	3					
1.3.1.19	BHTN0422H	Bảo hiểm thất nghiệp	Unemployment Insurance	2	2					
1.3.1.20	ĐTTC0423L	Đầu tư tài chính	Financial Investment	3	3					
1.3.1.21	BHKT0423L	Kế toán doanh nghiệp bảo hiểm	Accounting for Insurance Enterprise	3	3					
1.3.1.22	PTTC0423L	Phân tích tài chính doanh nghiệp	Financial Analysis of Company	3	3					
1.3.1.23	TNBH0422H	Bảo hiểm trách nhiệm	Liability insurance	2	2					
1.3.1.24	ĐTCK0122L	Phân tích đầu tư chứng khoán	Analysis of investment securities	2	2					
1.3.1.25	QLĐL0422L	Quản lý đại lý bảo hiểm	Agent insurance management	2	2					
1.3.2.26	BHTG0422H	Bảo hiểm tiền gửi	Deposit insurance	2	2					
1.3.2	Học phần tự chọn (chọn 2/4)			4						
1.3.2.1	ĐPBH0422H	Định phí sản phẩm	Insurance Actuary	4	2					
1.3.2.2	BHYT0422H	Bảo hiểm y tế	Public health insurance		2					
1.3.2.3	QTBH0422H	Quản trị bảo hiểm xã hội	Social Insurance Management		2					
1.3.2.4.	BHVM0422H	Bảo hiểm vi mô	Microinsurance		2					
1.3.3	TTCK0524T	Thực tập cuối khóa	Final Internship	4				4		
1.3.4	Học phần thay thế hoặc Khóa luận tốt nghiệp (Sinh viên viết Khóa luận hoặc học 2 học phần thay thế)			6						

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP Trước	Mã HP song hành
				(Lý thuyết - LT; Thực hành - TH; Thí nghiệm - TN; Khóa luận - KL; Thực tập - TT)						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	KL	TT		
1.3.4.1	ĐTBH0423L	Đầu tư tài chính bảo hiểm	Financial Insurance Investment	3	3					
1.3.4.2	KTBH0423L	Kinh tế bảo hiểm	Insurance economics	3	3					
1.3.4.3	KLTN0526T	Khóa luận tốt nghiệp	Thesis	6			6			
1.4 Kiến thức nền tảng rộng				22						
1.4.1 Khoa học tự nhiên				5						
1.4.1.1	TCC21122L	Toán cao cấp 2	Advanced mathematics 2	2	2					
1.4.1.2	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Probability and Statistics	3	3					
1.4.2 Khoa học chính trị				11						
1.4.2.1	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	Marxist - Leninist philosophy	3	3					
1.4.2.2	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Marxist - Leninist political economy	2	2					
1.4.2.3	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ chí Minh	Ho Chi Minh Ideology	2	2					
1.4.2.4	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of the Communist Party of Vietnam	2	2					
1.4.2.5	CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Science socialism	2	2					
1.4.3 Pháp luật				2						
1.4.3.1	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	General law	2	2					
1.4.4 Tin học				4						
1.4.4.1	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	Basic informatics 1	2	2					
1.4.1.2	TCB21222H	Tin học cơ bản 2	Basic informatics 2	2	2					
1.5 Kiến thức khác ngành				2						
1.5.1	Học phần tự chọn (chọn 1/4)			2						
1.5.1.1	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	Text Editor	2	2					
1.5.1.2	NCKH0722L	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Scientific research methodology		2					
1.5.1.3	LOGI0722L	Logic học	Logics		2					

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP Trước	Mã HP song hành
				(Lý thuyết - LT; Thực hành - TH; Thí nghiệm - TN; Khóa luận - KL; Thực tập - TT)						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	KL	TT		
1.5.1.4	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	General Psychology		2					
1.6 Kiến thức đại cương khác				8						
1.6.1 Ngoại ngữ				8						
1.6.1.1	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	Basic English 1	2	2					
1.6.1.2	TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	Basic English 2	3	3				TAC10622H	
1.6.1.3	TABT0622H	Tiếng Anh chuyên ngành Bảo hiểm - Tài chính	English for Finance - Insurance	3	3					
1.6.2	Giáo dục thể chất (3 TC)									
1.6.2.1	Các học phần bắt buộc			1	1					
	TDDK1421T	Thể dục - Điền kinh	Gymnastics and Athletics	1	1					
1.6.2.2	Các học phần tự chọn (2/6 HP)			2	2					
	BOC11421T	Bóng chuyền 1	Volley ball 1	1	1					
	BOC21421T	Bóng chuyền 2	Volley ball 2	1	1					
	BOR11421T	Bóng rổ 1	Basketball 1	1	1					
	BOR21421T	Bóng rổ 2	Basketball 2	1	1					
	CLO11421T	Cầu lông 1	Badminton 1	1	1					
	CLO21421T	Cầu lông 2	Badminton 2	1	1					
	Các học phần dành cho sinh viên hạn chế về sức khỏe									
	COV11421L	Cờ vua 1	Chess 1	1	1					
	COV21421L	Cờ vua 2	Chess 2	1	1					
	COV31421L	Cờ vua 3	Chess 3	1	1					
1.6.3	Giáo dục quốc phòng, an ninh (165 tiết)									
1.6.3.1	DLQP1423L	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam	National defense and security guidelines of Vietnam communist party	3	3					
1.6.3.2	CTQP1422L	Công tác quốc phòng và an ninh	National defense and security	2	2					
1.6.3.3	QSUC1421L	Quân sự chung	General military	1	1					

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP	Mã HP
				(Lý thuyết - LT; Thực hành - TH; Thí nghiệm - TN; Khóa luận - KL; Thực tập - TT)					Trước	song hành
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	KL	TT		
1.6.3.4	KTCD1422T	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Infantry combat techniques and tactics	2		2				
Tổng cộng				136						